

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2019/DS-ST

Ngày: 26-12-2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Nguyễn Văn Kiệt

2. Bà Danh Mỹ Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lâm Sễn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh Ph, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Th, xã Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trường Th, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: 2.1. Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1972 (vắng mặt)

2.2. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Văn H, sinh năm 1972 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Th, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

3.2. Hợp tác xã A

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1958, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoàng G, sinh năm 1964 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Huỳnh Thanh Ph và ông Nguyễn Trường Th - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Nguyên vào ngày 27-10-2017 ông Huỳnh Thanh Ph có nhờ ông Trần Văn H đứng ra hợp đồng bao tiêu lúa tươi với ông Nguyễn Thái H và bà Lê Thị Đ cùng bà con nông dân trong ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Nội dung hợp đồng là đặt cọc mua lúa của vợ chồng ông H 01kg lúa trị giá là 5.200đ, vợ chồng ông H có tổng diện tích đất ruộng là 80 công nên ông Ph đã giao tiền cọc cho vợ chồng ông H trước là 40.000.000 đồng và mọi giao dịch mua bán lúa thì do ông Ph thực hiện. Trong hợp đồng các bên đã thống nhất khi thu hoạch lúa thì ông Ph phải thông báo cho Hợp tác xã và bà con nông dân trước 10 ngày để thu hoạch lúa; đến ngày 03-02-2018 âm lịch (al) ông Ph đến thăm lúa của ông H, sau khi thăm lúa thì ông Ph ấn định ngày 09-02-2018 (al) cho vợ chồng ông H, bà Đ cắt lúa để ngày 10-02-2018 al ông Ph cho ghe đến cân lúa, ông Ph không có thỏa thuận với ông H, bà Đ là hết ngày 10-02-2018 al nếu ông không cho ghe đến cân lúa thì vợ chồng ông H được quyền bán lúa cho người khác. Đến ngày 10-02-2018 al, do ghe đi cân lúa nhiều hộ dân nên cân không kịp lúa, vào khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày ông Ph có điện thoại cho đại diện Hợp tác xã là ông Nguyễn Minh T và ông Trần Hoàng G để thông báo cho các hộ dân chưa cân lúa biết là sáng 11-02-2018 al ông Ph sẽ đến nhận lúa. Vào khoảng 07 giờ sáng ngày 11-02-2018 al ghe của ông Ph đã có mặt tại nhà của ông H để nhận lúa nhưng vợ chồng ông H đã bán lúa cho ghe khác mà không thông báo cho ông Ph biết. Sau đó, ông Ph có yêu cầu vợ chồng ông H trả lại tiền đặt cọc nhưng vợ chồng ông H nói là do ông Ph đã cân lúa trễ 12 tiếng đồng hồ nên vợ chồng ông H bán cho người khác và không trả lại tiền cọc.

Ông Ph yêu cầu vợ chồng ông H, bà Đ có trách nhiệm trả lại cho ông số tiền đặt cọc là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, không yêu cầu bồi thường tiền cọc.

- Bị đơn ông Nguyễn Thái H và bà Lê Thị Đ trình bày tại Tòa án:

Vào ngày 27-10-2017 đại diện Hợp tác xã có đến nhà ông H, bà Đ đặt vấn đề bán lúa cho Hợp tác xã, ông H đồng ý nên cùng đến Hợp tác xã để ký hợp đồng với đại diện Hợp tác xã, còn ai đứng tên trong hợp đồng ký với ông H, ông H cũng không biết mặt người đó. Về nội dung hợp đồng do ông H không đọc chữ rành nên không đọc lại, sau khi ký hợp đồng ông H có nhận tiền đặt cọc 40.000.000 đồng, nhưng cũng không biết là ai đưa tiền, vì lúc đó người của Hợp tác xã có 4-5 người. Ông H đem tiền về đưa cho bà Đ, bà Đ đọc lại hợp đồng và cũng thống nhất theo nội dung hợp đồng đã ký.

Thời gian từ lúc xạ lúa đến khi thu hoạch là khoảng 105 ngày, trong thời gian này vợ chồng ông bà có chăm sóc lúa cẩn thận và có gọi điện báo cho người của

Hợp tác xã là ông Nguyễn Thành L về tình hình cây lúa vào từng thời điểm. Đến khi còn khoảng hơn 10 ngày trước khi thu hoạch lúa, vợ chồng ông bà có báo cho ông L cho người đến khảo sát để cắt lúa thì có hai người đàn ông đến ruộng nhà ông bà xưng tên G và Ph, hai người này xem lúa rồi nói còn xanh phải đợi vài ngày nữa mới cắt được, còn khoảng 05 ngày trước khi thu hoạch lúa bà Đ báo ông L biết, ông Ph đến lần thứ hai thăm lúa định ngày 09-02-2018 al cắt lúa và cho vợ chồng ông bà số điện thoại để liên lạc. Ông H và bà Đ xác nhận vợ chồng ông bà và ông Ph chỉ thỏa thuận miệng với nội dung là ngày 09-02-2018 al ông bà sẽ cắt lúa, đến ngày 10-02-2018 al ông Ph sẽ cho ghe đến cân lúa. Sáng ngày 09-02-2018 al bà Đ có điện thoại cho ông Ph thông báo là sẽ cắt lúa thì ông Ph nói cứ cắt đi, sáng ngày 10-02-2018 al ông sẽ cho ghe đến cân lúa. Sau khi cắt lúa xong bà Đ gọi điện báo cho ông Ph là đã cắt lúa xong, ông Ph trả lời mai đưa ghe vào cân lúa sớm. Đến sáng sớm ngày 10-02-2018 al bà Đ lại tiếp tục gọi điện cho ông Ph thì ông Ph trả lời ghe đang đến lấy lúa, đón ghe đi, ông bà đón ghe nhưng đã qua 5-7 chiếc ghe không có chiếc nào ghé lại cân lúa, khoảng 09 giờ sáng ông bà lại tiếp tục gọi điện cho ông Ph, ông lại trả lời rằng chắc ghe chưa đi tới, chờ thêm một lúc nữa đi và cho ông bà số điện thoại của chủ ghe, bà Đ có gọi chủ ghe nhưng chủ ghe nói ông Ph không có nói lấy lúa của ông bà. Bà Đ có gọi điện cho Giám đốc Hợp tác xã là ông Nguyễn Minh T, ông nói 03 ghe đang vào lấy lúa của ông bà, hôm nay sẽ giải quyết xong. Ông bà chờ đến tối cũng không thấy ghe nào đến cân lúa của ông bà, bà Đ điện thoại cho ông L nói nếu từ giờ đến 12 giờ đêm ông Ph không đến cân lúa thì ông bà sẽ bán lúa cho người khác. Đến khoảng 07 giờ sáng ngày 11-02-2018 al thì ông bà quyết định bán lúa cho người khác. Đến khoảng 08 giờ sáng khi ông bà đang cân lúa được khoảng 1/2 số lúa thì ghe của ông Ph mới đến cân lúa của ông bà, ông bà nói hôm qua không vào lấy lúa nên sáng nay ông bà đã bán cho người khác rồi nên chủ ghe cho ghe chạy đi. Ông H và bà Đ xác nhận giữa vợ chồng ông bà và ông Ph không có thỏa thuận về việc nếu hết ngày 10-02-2018 al mà ông Ph không cho ghe đến cân lúa thì ông bà có quyền bán lúa cho người khác.

Vợ chồng ông H, bà Đ không đồng ý trả lại tiền đặt cọc cho ông Ph, vì ông Ph đã vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng, hai bên thỏa thuận trong ngày 10-02-2018 al là ông Ph phải đến cân lúa, nhưng ông không cho ghe đến cân lúa cũng không gọi điện báo cho ông bà biết nên ông bà phải bán lúa cho người khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H trình bày tại bản tự khai như sau:

Nguyên vào ngày 27-10-2017 ông Huỳnh Thanh Ph có nhờ ông đứng ra ký hợp đồng bao tiêu lúa tươi với ông Nguyễn Thái H và bà Lê Thị Đ cùng bà con trong ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang; nội dung hợp đồng là đặt cọc mua lúa của vợ chồng ông H 01kg lúa trị giá là 5.200đ, vợ chồng ông H có tổng diện tích đất ruộng là 80 công nên ông Ph đã giao tiền cọc cho vợ chồng ông H trước là 40.000.000 đồng và mọi giao dịch mua bán lúa thì do ông Ph thực hiện. Nay ông

Ph khởi kiện vợ chồng ông H yêu cầu trả số tiền đặt cọc thì ông không có ý kiến gì, vì ông chỉ đứng ra ký hợp đồng thay ông Ph để hưởng hoa hồng.

- Ông Nguyễn Minh T đại diện Hợp tác xã trình bày tại Tòa án như sau:

Vào năm 2016 Hợp tác xã được thành lập, một trong những chức năng, nhiệm vụ của Hợp tác xã là tiêu thụ lúa cho nông dân của xã. Đến năm 2017 Hợp tác xã có chứng kiến cho hai bên là ông Trần Văn H (ông Huỳnh Thanh Ph) và ông Nguyễn Thái H và một số bà con nông dân ký hợp đồng bao tiêu lúa tươi, về nghĩa vụ của Hợp tác xã là thông báo cho bà con nông dân biết có người mua lúa và bao tiêu đặt cọc trước, về quyền là khi bên mua lúa xong thì có nghĩa vụ trích lại cho Hợp tác xã 15đ/1kg lúa, khi các bên thực hiện việc mua bán xong thì hợp đồng tự nhiên hết hiệu lực. Ngoài hợp đồng trên thì Hợp tác xã có quy định cho các bên như sau: Khi thu hoạch lúa nếu giá lúa thị trường lên thì người mua phải trả thêm cho bà con theo giá hiện tại, nếu khi thu hoạch lúa xong bên mua chậm trễ trên 24 giờ thì Hợp tác xã lập biên bản cho bên bán được quyền bán cho người khác và bên mua bị mất cọc, ngược lại nếu bên bán sau khi thu hoạch xong nếu không bán cho bên mua thì phải bồi thường tiền cọc gấp đôi. Do lúa của bà con nông dân làm cùng lúc nên việc thu mua lúa của ông Ph không kịp nên đến lấy lúa của vợ chồng ông H trễ 01 đêm, Hợp tác xã chưa thống nhất cho vợ chồng ông H bán lúa cho người khác nhưng vợ chồng ông đã tự ý bán lúa cho người khác. Mặc dù ông Ph đến trễ nhưng tất cả các hộ dân khác vẫn bán lúa cho ông Ph. Nay giữa ông Ph và vợ chồng ông H xảy ra tranh chấp thì Hợp tác xã không có ý kiến gì.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh Ph đối với ông Nguyễn Thái H và bà Lê Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 05-4-2019 ông Huỳnh Thanh Ph có đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thái H và bà Lê Thị Đ trả lại cho ông số tiền đặt cọc mua lúa là 40.000.000 đồng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Thái H và bà Lê Thị Đ không có mặt theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án; Đại diện Hợp tác xã và ông Trần Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt các đương sự trên. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] *Về nội dung*: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Ph yêu cầu ông Nguyễn Thái H và bà Lê Thị Đ trả lại cho ông số tiền đặt cọc mua lúa là 40.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi suất cũng như không yêu cầu ông H, bà Đ bồi thường cọc, Tòa án nhận thấy:

Vào ngày 27-10-2017 ông Huỳnh Thanh Ph có nhờ ông Trần Văn H ký hợp đồng bao tiêu lúa tươi với ông Nguyễn Thái H và bà Lê Thị Đ, nội dung hợp đồng là đặt cọc mua lúa của vợ chồng ông H với giá 01kg lúa là 5.200đ, và ông Ph đã giao tiền đặt cọc cho vợ chồng ông H trước là 40.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Thái H và bà Lê Thị Đ thừa nhận ông H có ký hợp đồng bao tiêu lúa tươi với đại diện hợp tác xã, còn ai đứng tên trong hợp đồng ký với ông H, ông H cũng không xác định được nhưng ông H, bà Đ xác nhận là có nhận tiền đặt cọc 40.000.000 đồng của ông Ph. Từ đó cho thấy việc ông Nguyễn Thái H và bà Lê Thị Đ có ký hợp đồng bao tiêu lúa tươi và nhận tiền đặt cọc 40.000.000 đồng của ông Huỳnh Thanh Ph là có thật.

Xét thấy, hợp đồng đặt cọc bao tiêu lúa tươi được ông H ký kết trên tinh thần tự nguyện, không trái pháp luật hay đạo đức xã hội, việc ký kết hợp đồng nhằm đảm bảo cho việc giao kết và thực hiện hợp đồng là phù hợp với Điều 328 của Bộ luật Dân sự. Mặc dù, trong hợp đồng không có chữ ký của ông Huỳnh Thanh Ph mà do ông Trần Văn H ký nhưng cả ông Ph và ông H đều thống nhất là ông H chỉ đứng ra ký hợp đồng thay ông Ph để hưởng hoa hồng, còn mọi giao dịch mua lúa, đặt cọc tiền là một mình ông Ph trực tiếp giao dịch với ông H, bà Đ.

Do ông H và bà Đ không bán lúa cho ông Ph nên ông Ph yêu cầu ông H và bà Đ trả lại cho ông số tiền đặt cọc là 40.000.000 đồng. Ông H và bà Đ không đồng ý trả lại tiền đặt cọc cho ông Ph vì cho rằng ông Ph đã vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng, hai bên thỏa thuận trong ngày 10-02-2018 al là ông Ph phải đến cân lúa nhưng ngày 10-02-2018 ông Ph không cho ghe đến cân lúa cũng không gọi điện báo cho ông bà biết nên đến 07 giờ sáng ngày 11-02-2018 al ông bà phải bán lúa cho người khác.

Xét về nội dung hợp đồng đặt cọc bao tiêu lúa tươi lập ngày 27-10-2017 có nội dung về giá lúa thu mua cũng như nội dung về việc bên mua lúa đầu tư tiền mặt (đặt cọc) 40.000.000 đồng cho bên bán lúa. Về điều 3 trong hợp đồng có nội dung: *“Bên B cam kết toàn bộ lúa đã ký trên hợp đồng phải giao toàn bộ cho bên A, nếu vì lý do nào đó bên B không bán lúa cho bên A, làm ảnh hưởng kế hoạch kinh doanh bên A thì bên B phải bồi thường cho bên A gấp 2 lần tiền cọc. Nếu bên A không nhận lúa thì mất cọc...”*. Từ nội dung trên cho thấy trong hợp đồng không

thỏa thuận về thời gian cụ thể đối với việc thu mua lúa và điều khoản ràng buộc nếu bên mua không mua lúa thì bên bán có quyền bán lúa cho người khác mà chỉ có nội dung bên A (bên mua) không nhận lúa thì mất cọc. Mặt khác, ông H và bà Đ đều xác nhận giữa vợ chồng ông bà và ông Ph không có thỏa thuận về việc nếu đến hết ngày 10-02-2018 mà ông Ph không cho ghe đến cân lúa thì ông H và bà Đ có quyền bán lúa cho người khác. Bên cạnh đó, đại diện Hợp tác xã cũng xác nhận là do lúa của bà con nông dân làm cùng lúc nên việc thu mua lúa của ông Ph không kịp có đến lấy lúa của vợ chồng ông H trễ 01 đêm và Hợp tác xã chưa thống nhất cho vợ chồng ông H bán lúa cho người khác nhưng vợ chồng ông đã tự ý bán lúa cho người khác. Điều này cho thấy ông H và bà Đ đã vi phạm hợp đồng, từ chối việc thực hiện hợp đồng; cho nên, ông Ph yêu cầu ông H và bà Đ phải trả lại tiền đặt cọc 40.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Ông Ph không yêu cầu tính lãi suất cũng như bồi thường tiền cọc nên HĐXX không xem xét.

[3] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[4] Căn cứ Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh Ph; buộc ông Nguyễn Thái H và bà Lê Thị Đ phải trả lại cho ông Huỳnh Thanh Ph số tiền đặt cọc là 40.000.000 đồng.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc ông H và bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Ông Huỳnh Thanh Ph không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng cho ông Ph theo biên lai thu số 0009668 ngày 08-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 147, 227, 228, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 328 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh Ph.
2. Buộc ông Nguyễn Thái H và bà Lê Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Huỳnh Thanh Ph số tiền đặt cọc là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày ông Ph có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông H, bà Đ không trả số tiền trên thì còn phải trả cho ông Ph khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thái H và bà Lê Thị Đ có nghĩa vụ liên đới nộp án phí là 300.000 đồng.

Ông Huỳnh Thanh Ph không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng cho ông Ph theo biên lai thu số 0009668 ngày 08-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Tạ Thị Xuân